TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
Số: 22/QĐ-HHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/09/2018 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-HHC-HĐQT ngày 21/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HHC ngày 18/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HHC ngày 19/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc Thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023;

Căn cứ Dự thảo hợp đồng gói thầu gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023 giữa Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na với Công ty cổ phần Xây dựng 497 ngày 30/01/2023;

Tình hình và nhu cầu thực tế tại Nhà máy thủy điện Hủa Na.

Xét Tờ trình số 10/TTr-TCGLCNT ngày 30/01/2023 của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023 với các nội dung chính sau:

I. Kết quả chỉ định thầu.

- Nhà thầu đề nghị trúng chỉ định thầu: Công ty cổ phần Xây dựng 497.
- Địa chỉ: Xóm Ngũ Lộc, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0913 290 398
- Giá trúng chỉ định thầu sau thuế VAT (10%): **452.030.878 đồng.**

Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng.

II. Nội dung hợp đồng.

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình.

Bên giao thầu giao và Bên nhận thầu đồng ý nhận việc thực hiện công tác Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023. Nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Nội dung và khối lượng công việc:

Bên nhận thầu phải thực hiện công tác Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2023 được thể hiện cụ thể trong Phụ lục kèm theo.

1.2. Sản phẩm của công tác tư vấn thiết kế bao gồm:

- Bản vẽ, thuyết minh, các bản tính kèm theo;
- Chỉ dẫn kỹ thuật;
- Dự toán xây dựng công trình;
- Các nội dung khác của Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng;
- Quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có).

2. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

2.1. Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

2.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Bên nhận thầu hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc tư vấn của Hợp đồng này với tổng thời gian thực hiện tối đa là 180 ngày.

Do phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Bên giao thầu, thời gian thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể như sau: mỗi hạng mục hoàn thành trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu.

2.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên nhận thầu hoặc Bên giao thầu gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên nhận thầu.

3. Giá hợp đồng, hình thức hợp đồng, tạm ứng

3.1. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng sau thuế VAT là: **452.030.878 đồng.**

Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng.

Trong đó:

+ Giá trị trước thuế: 410.937.162 đồng.

+ Thuế VAT (10%): 41.093.716 đồng.

(*Chi tiết như phụ lục kèm theo*).

Giá trị hợp đồng đã giảm giá 3% so với giá trị dự toán tư vấn đã được Bên giao thầu phê duyệt tại Quyết định số 16/QĐ-HHC ngày 18/01/2023.

3.2. Nội dung của giá Hợp đồng

Nội dung của giá hợp đồng tư vấn bao gồm: Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng; Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt; Chi phí khảo sát; Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu; Chi phí giám sát tác giả và các chi phí khác có liên quan.

Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm: Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn; Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

3.3. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Tạm ứng:

a) Bên giao thầu, tạm ứng cho Bên nhận thầu 30% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là: **135.609.263 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm triệu, sáu*

trăm linh chín nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên giao thầu nhận được công văn đề nghị tạm ứng của Bên nhận thầu (04 bản gốc).

b) Việc tính toán, thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi bên nhận thầu đã nhận được tiền tạm ứng.

c) Tiền tạm ứng được thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký.

d) Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ Bên giao thầu đã tạm ứng cho Bên nhận thầu.

4. Thanh toán

Số lần thanh toán là 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Sau khi Bên nhận thầu hoàn thành công tác khảo sát, lập Báo cáo KTKT, hồ sơ Báo cáo KTKT công trình được cấp thẩm quyền phê duyệt, trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, Bên giao thầu thanh toán cho Bên nhận thầu 85% giá trị hoàn thành được nghiệm thu (bao gồm cả giá trị đã tạm ứng, thanh toán).

- Lần cuối cùng: Sau khi Bên nhận thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong Hợp đồng, hai bên đã ký kết hồ sơ nghiệm quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định, trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, Bên giao thầu thanh toán số tiền còn lại cho Bên nhận thầu.

- Trong quá trình thực hiện, hai bên có thể điều chỉnh số lần thanh toán (kết hợp thanh toán 1 lần cho cả khối lượng hoàn thành của lần 1 và lần 2) cho phù hợp với tình hình thực tế.

Các điều, khoản, nội dung khác theo như dự thảo hợp đồng kèm theo Tờ trình của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu.

Điều 2: Giao cho các Phòng, Phân xưởng, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu phối hợp với Công ty cổ phần Xây dựng 497 triển khai thực hiện nội dung được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CT HĐQT, TBKS (để b/c);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Bùi Huy Thành

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

GÓI THẦU: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HHC ngày 31/01/2023)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Chi phí khảo sát	Đồng	104.608.079	*Phụ lục 01*
2	Chi phí thiết kế	Đồng	319.038.480	*Phụ lục 02*
	TỔNG CỘNG	**Đồng**	**423.646.559**	
	TỔNG CỘNG SAU GIẢM GIÁ	**Đồng**	**410.937.162**	
	THUẾ VAT (10%)	**Đồng**	**41.093.716**	
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ	**Đồng**	**452.030.878**	

PHỤ LỤC 01

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ KHẢO SÁT

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

GÓI THẦU: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA NĂM 2023

MỤC: KHẢO SÁT PHỤC VỤ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HHC ngày 31/01/2023)

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
I	**Bảo trì, sửa chữa một số hạng mục công trình xây dựng:**				
I.1	***Thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả nhà máy:***				
1	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình IV	km	0,265	3.435.167	910.319
2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	Ha	2,120	4.473.627	9.484.089
3	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước; cấp địa hình II	100m	2,650	1.516.678	4.019.196
4	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước; cấp địa hình II	100m	16,500	2.396.941	39.549.531
I.2	***Cải tạo khuôn viên khu vực Đập chính:***				
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	Ha	0,140	5.247.529	734.654
6	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	0,700	1.527.805	1.069.464
7	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	1,600	1.815.535	2.904.856
I.3	***Bảo trì mái cơ nhà máy; sửa chữa mái cơ hạ lưu nhà máy; Cải tạo cảnh quan khuôn viên khu nhà làm việc tại nhà máy; Gia cố chân mái taluy âm vị trí bể nước sinh hoạt:***				
8	Công thị sát, đánh giá các hư hỏng	Công	20	710.416	14.208.330

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
II	**Xây mới hạng mục công trình xây dựng:**				
II.1	***Đường kiểm tra phòng chống sạt lở khu vực HP2:***				
9	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,300	2.472.862	741.859
10	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	Ha	0,600	5.247.529	3.148.517
11	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	3,000	1.527.805	4.583.416
12	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	1,600	1.815.535	2.904.856
II.2	***Tuyến đường phục vụ công tác bảo trì mái cơ nhà máy:***				
13	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,350	2.472.862	865.502
14	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	Ha	0,700	5.247.529	3.673.270
15	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	3,500	1.527.805	5.347.319
16	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	1,850	1.815.535	3.358.740
II.3	***Hệ thống chiếu sáng đường VH2: và Hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt bổ sung cho khu 1; khu 2; khu nhà 8 gian; khu nhà ở 6 gian; khu 3:***				
17	Công tác thị sát, đánh giá địa hình	Công	10	710.416	7.104.165
A	**Cộng dự toán trước thuế**				**104.608.079**
B	**Thuế VAT: (A*10%)**				**10.460.808**
C	**Tổng cộng sau thuế: (A+B)**				**115.068.887**

PHỤ LỤC 02

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

GÓI THẦU: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA NĂM 2023

MỤC: LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HHC ngày 31/01/2023)

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị xây lắp trước thuế (đồng)	Định mức (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3*4*5)	(7)
I	**Công trình Hạ tầng kỹ thuật**	**7.756.800.000**	**3,360**		**260.628.480**	
1	Thanh thải hạ lưu, đào mở rộng mặt thoáng kênh xả nhà máy	1.450.000.000		1,0	48.720.000	
2	Cải tạo, sửa chữa mái cơ hạ lưu nhà máy	266.800.000		1,0	8.964.480	
3	Bảo trì mái cơ nhà máy	2.350.000.000		1,0	78.960.000	
4	Gia cố chân mái taluy âm vị trí bể nước sinh hoạt	690.000.000		1,0	23.184.000	
5	Cải tạo khuôn viên khu vực Đập chính	750.000.000		1,0	25.200.000	
6	Cải tạo cảnh quan khuôn viên khu nhà làm việc tại nhà máy	600.000.000		1,0	20.160.000	
7	Hệ thống chiếu sáng xung quanh nhà máy	250.000.000		1,0	8.400.000	
8	Hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt bổ sung cho khu 1; khu 2; khu nhà 8 gian; khu nhà ở 6 gian; khu 3	1.050.000.000		1,0	35.280.000	
9	Hệ thống chiếu sáng đường VH2	350.000.000		1,0	11.760.000	
II	**Công trình giao thông**	**1.100.000.000**	**5,31**	1,0	**58.410.000**	
1	Đường kiểm tra phòng chống sạt lở khu vực HP2	500.000.000		1,0	26.550.000	
2	Tuyến đường phục vụ công tác bảo trì mái cơ nhà máy	600.000.000		1,0	31.860.000	
A	**Tổng cộng trước thuế: (I+II+III+IV)**	**8.856.800.000**			**319.038.480**	
B	**Thuế GTGT: (B* 10%)**				**31.903.848**	
C	**Giá trị sau thuế (A+B)**				**350.942.328**	

Ghi chú:

- Định mức lập báo cáo KT-KT được tính nội suy trên số liệu tại bảng số 2.3, Chương II, Phần II, Phụ lục VIII, Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.